

Số: /BC-UBND

Lấp Vò, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Về việc báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021 trên địa bàn Huyện

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Tiếp nhận Công văn số 51/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Sở kế hoạch và Đầu tư, về việc lập và gửi báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2021, với nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định về mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư;

Ủy ban nhân dân huyện Lập Vò báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau (Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước do Huyện quản lý và phân bổ đính kèm văn bản giấy Mẫu 01 và các phụ biểu 01, 02, 03, 04, 05, 06 ; Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ (có danh mục kèm theo Công Văn số 51/SKHĐT-ĐTTĐ), báo cáo đính kèm theo văn bản giấy, theo mẫu số 02, 03, 04, 05, 06 và phụ biểu số 07);

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ.

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm: 212,218 tỷ đồng.
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (*giá trị khối lượng thực hiện*): 198,912 tỷ đồng.
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ: 198,912 tỷ đồng.
- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư (nếu có): Không.
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có). Không.

(Kèm theo phụ biểu 01)

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG.

- Nhìn chung, các dự án từ Chương trình mục tiêu trong năm 2021 điều thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật; công tác thẩm định ngày càng chặt chẽ và đạt chất lượng, thời gian thẩm định nằm trong khoảng thời gian quy định.

Trong đó: Công trình chuyển tiếp từ năm 2020 đến năm 2021, và các công trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư năm 2022 thực hiện là: 135 danh mục công trình.

- + Công trình xây dựng dân dụng: 42 danh mục công trình.
- + Công trình giao thông, thủy lợi: 72 danh mục công trình.
- + Công trình hạ tầng kỹ thuật: 10 danh mục công trình.
- + Công trình NN&PTNT: 02 danh mục công trình.
- + Công trình thực hiện công tác đền bù: 09 danh mục công trình.

(Kèm theo phụ biểu 02)

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC.

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Nhìn chung, các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong năm 2021 điều thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật; công tác thẩm định ngày càng chặt chẽ và đạt chất lượng, thời gian thẩm định nằm trong khoảng thời gian quy định.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư.

- Số dự án chậm tiến độ: Không.
 - Số dự án điều chỉnh trong năm 2021: 03.
 - Số dự án vi phạm quy định về quản lý chất lượng: Không
 - Số dự án thất thoát, lãng phí, vi phạm về thủ tục đầu tư: Không.
 - Tổng số dự án đầu tư và thực hiện đầu tư năm 2022 là 135 dự án nhóm C.
 - Số dự án chậm triển khai thực hiện là 0 dự án:
 - Số dự án có kế hoạch chuẩn bị đầu tư là 135 dự án.
 - Số dự án chuyển tiếp thực hiện từ năm 2020 sang năm 2021 là 19 dự án.
 - Số dự án kết thúc đưa vào hoạt động là 114 dự án.
 - Số dự án thực hiện báo cáo giám sát là 135 dự án.
 - Số dự án thực hiện thủ tục quyết toán hoàn thành dự án trong kỳ là 50 dự án, công trình.
 - Số dự án phải điều chỉnh trong năm 2021: 03.
 - Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu 135 dự án, công trình; với tổng số gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu là 318 (chỉ định thầu 288 gói; đấu thầu rộng rãi là 15 gói; hình thức khác “ chào hàng cạnh tranh “ là 15 gói).
3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
- Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ: 135 dự án.
 - Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ: 135 dự án.
4. Tình hình thực hiện các dự án:
- Về cơ bản việc quản lý các dự án đạt được kết quả tốt; các cơ quan, tổ chức có liên quan tạo mọi điều kiện thuận lợi để các dự án, công trình sử dụng các nguồn vốn khác thực hiện hoàn thành theo kế hoạch và có hiệu quả.
5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.
- Nghiệm thu đưa vào sử dụng: 114 công trình.
6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.
- Về nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách do tình hình ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 dẫn đến việc giải ngân vốn trong năm đạt 93,73%.

(Kèm theo phụ biểu 03)

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC.

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.
- Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các quy trình hồ sơ và báo cáo quyết toán hoàn thành đúng theo yêu cầu quy định về thời gian.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

- Chủ đầu tư có báo cáo nội dung đề cập tương đối đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định.

- Chủ đầu tư có báo cáo đầy đủ về giám sát đánh giá đầu tư công trên trang web <https://dautucong.mpi.gov.vn/>.

3. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành: Không.

4. Đề xuất về tổ chức thực hiện.

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư sớm đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, để các đơn vị Chủ đầu tư thuận lợi trong việc thực hiện lập báo cáo giám sát.

Trên đây là báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, PCT UBND Huyện;
- Phòng TC-KH;
- LĐVP + C/v (Nghĩa);
- Lưu: VT, TCKH, Ng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Nam

Phụ biểu 01

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	so với KH (%)	Giá trị	so với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước	212,218	0	0	198,912	93,73	198,912	93,73	
1	Vốn đầu tư công	212,218	0	0	198,912	93,73	198,912	93,73	
1.1	Vốn NSNN	212,218	0	0	198,912	93,73	198,912	93,73	
a	Vốn NSTW	87,406	0	0	80,100	91,64	80,100	91,64	
b	Vốn NSDP	124,812	0	0	118,812	95,19	118,812	95,19	
1.2	Vốn ODA								
1.3	Vốn TPCP								
1.4	Vốn đầu tư công khác								
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3	Vốn khác								
3.1	Trong nước								
3.2	Nước ngoài								
II	Dự án đầu tư theo hình thức PPP								
1	Vốn đầu tư công tham gia (không								

	tính vào tổng vốn đầu tư)								
2	Vốn chủ sở hữu								
2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
2.2	Vốn khác (trong nước)								
2.3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	Vốn vay								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
IV	Tổng cộng								
1	Vốn đầu tư công (I.1)	212,218	0	0	198,912	93,73	198,912	93,73	
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + III.3.2)								
3	Vốn khác								
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 +								

	II.3.3 + III.1)								
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)								

Phụ lục 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
I	Chủ chương trình			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
II	Chủ dự án thành phần			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình			
1	Số lượng			135
2	Tổng vốn kế hoạch			212,218
3	Giá trị thực hiện			198,912
4	Giá trị giải ngân			198,912

Ghi chú:

1. CTMTQG: Chương trình mục tiêu Quốc gia.
2. CTMT: Chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định chủ trương.
3. CTMTĐP: Chương trình mục tiêu do địa phương quyết định chủ trương.

Phụ biểu 03

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công								DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
						Dự án sử dụng NSTW				TP CP	ODA	NS ĐP	Vốn ĐTC khác	
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Chuẩn bị đầu tư													
1	Chủ trương đầu tư	135			135				0			135		
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ	135			135				0			135		
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ	135			135				0			135		
c	Số dự án có quyết định chủ trương	135			135				0			135		

	<i>trong kỳ</i>													
2	Quyết định đầu tư	62			62				62			62		
a	<i>Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ</i>	0			0				0			0		
b	<i>Số dự án được thẩm định trong kỳ</i>	0			0				0					
c	<i>Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ</i>	62			62				62			62		
II	Thực hiện đầu tư													
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	135			135				0			135		
a	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>	19			19				0			19		
b	<i>Số dự án khởi công mới trong kỳ</i>	116			116				0			116		
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	135			135				0			135		
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ <i>(do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN</i>													

	<i>thực hiện)</i>													
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ													
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ	0			0				0			0		
a	<i>Không phù hợp với quy hoạch</i>	0			0				0			0		
b	<i>Phê duyệt không đúng thẩm quyền</i>	0			0				0			0		
c	<i>Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án</i>	0			0				0			0		
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)	0			0				0			0		

7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)	0			0				0			0		
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện	0			0				0			0		
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định	0			0				0			0		
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	0			0				0			0		
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	0			0				0			0		
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	0			0				0			0		
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	0			0				0			0		
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn	0			0				0			0		

	<i>không kịp thời</i>													
<i>đ</i>	<i>Số dự án chậm do các nguyên nhân khác</i>	0			0				0			0		
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	0			0				0			0		
<i>a</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>	0			0				0			0		
<i>b</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>	0			0				0			0		
<i>c</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>	0			0				0			0		
<i>d</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>	0			0				0			0		
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	0			0				0			0		
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	135			135							135		
<i>a</i>	<i>Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ</i>	284			284				0			284		
-	Chỉ định thầu	254			254				0			254		

-	Đấu thầu hạn chế	0			0				0			0		
-	Đấu thầu rộng rãi	17			17				0			17		
-	Hình thức khác (chào hàng cạnh tranh).	13			13				0			13		
<i>b</i>	<i>Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ</i>	0			0				0			0		
-	Đấu thầu không đúng quy định	0			0				0			0		
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	0			0				0			0		
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng	114			114				0			114		
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	114			114				0			114		
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	0			0				0			0		
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	50			50				0			50		
4	Tình hình khai thác vận hành	114			114				0			114		
<i>a</i>	<i>Số dự án đã đưa vào vận hành</i>	114			114				0			114		

<i>b</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)</i>	0			0				0			0		
----------	--	---	--	--	---	--	--	--	---	--	--	---	--	--